TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B T
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:226/2021/HNGĐ-ST
Ngày09-12- 2021
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B T TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Thùy

2. Bà Hà Thị Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Cao Thiên Bảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh T H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2021/TLST- HNGĐ ngày 25tháng 8 năm 2021.Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021.

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kh; Sinh năm 1987 (có mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Thanh T; Sinh năm 1984(có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đinh Thị H; Sinh năm 1965(có mặt)

- Chị Lê Thị H1; Sinh năm 1987(có mặt)

Đều cư trú: Thôn Đ, xã T Ố, huyện B T, tỉnh T H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Kh trình bày: Chị Kh và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T Ố năm 2014. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc.

Từ tháng 5 năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay ghen tuông vô cớ rồi đánh đập chị Kh. Vợ chồng ly thân, nay chị Kh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thiết tha xin ly hôn.

Về con chung: Chị Kh và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 15/9/2015. Khi ly hôn chị Kh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản: Vợ chồng có 01 nhà cấp 4 làm năm 2015 quá trình giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ 15 A đã vào 01 gian lồi của nhà nên được bồi thường toàn bộ giá trị nhà, hoa màu trên đất và thu hồi 47,3m2 đất ở .

Tổng số tiền bồi thường nhà và công trình kiến trúc trên đất và đất ở, cây cối hoa màu theo Quyết định số: 38/QĐ-HĐGP là 408.090.482đ (Bốn trăm linh tám triệu không trăm chín mươi nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Bồi thường đất Lâm nghiệp và cây trên đất lâm nghiệp là 55.852.750đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Toàn bộ tiền bồi thường anh T quản lý nay ly hôn chị Kh có yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản chung. Chị Kh đang quản lý là 01 xe máy vision khi mua giá 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) và 04 chỉ vàng 9999 là tài sản riêng của chị Kh. Khi lấy nhau về làm nhà là một tay chị Kh chợ búa, lo toan. Khởi công làm nhà hai vợ chồng chỉ có mấy chục triệu rồi vay mượn và làm. Sau khi làm nhà xong chị Kh chạy chợ trả nợ, còn anh T lêu lổng không chịu làm ăn. Mẹ chồng thì ở với vợ chồng chị Kh một thời gian rồi lại đi ở cùng anh trai chồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của chị Lê Thị H1 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Bị đơn: Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án anh Bùi Thanh T trình bày: Anh T công nhận anh và chị Kh tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau như chị Kh trình bày là đúng. Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc được 02 năm thì vợ chồng mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về tình cảm. Nay anh T xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị Kh có 01 con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 15/9/2015. Khi ly hôn anh T cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng, nếu chị Kh nuôi con thì anh T không cấp dưỡng.

Về tài sản: Khi vợ chồng lấy nhau có làm được 01 nhà cấp 4 xây tường lợp ngói. Thời điểm làm nhà vợ chồng chỉ có 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền mặt. Anh T cũng công nhận sau khi làm nhà xong vợ chồng phải lo trả nợ. Chị Kh là người trực tiếp chi tiêu mọi sinh hoạt trong gia đình. Hiện nay chị Kh đang quản lý 01 xe máy vision trị giá 34.000.000đ(Ba mươi tư triệu

đồng) và khoảng 06 chỉ vàng 9999. Yêu cầu số tài sản chị Kh đang quản lý là tài sản chung đưa vào để phân chia khi ly hôn.

Anh T trình bày tổng số tiền bà H mẹ anh T đóng góp làm nhà là 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng). Tổng số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng do làm đường Quốc lộ 15A anh T nhận và quản lý là hơn 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị H mẹ đẻ anh Bùi Thanh T trình bày: Khi anh T và chị Kh đứng ra làm nhà bà H có 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền mặt góp cho con làm nhà và hai vợ chồng anh T bán hai con trâu của bà 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng) và các khoản tiền tiết kiệm khác. Tổng số tiền bà H góp cho anh T làm nhà là 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng). Nay ly hôn thì vợ chồng anh T phải trích giá trị tài sản nhà cho bà là 113.000.000đ(Một trăm mười ba triệu đồng).

Quá trình làm nhà do anh T và chị Kh bàn bạc với nhau cụ thể bà H không biết. Sau khi làm nhà còn nợ bao nhiêu bà H cũng không nắm được.

Hiện nay tiền bồi thường do làm đường Quốc lộ 15 anh T ký nhận và quản lý tiền bà H không quản lý tiền.

Chị Lê Thị H1 trình bày: Chị H1 có cho vợ chồng anh T và chị Kh vay 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) vào tháng 07 năm 2021. Nay vợ chồng anh T và chị Kh ly hôn thì vợ chồng có trách nhiệm trả cho chị H1 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Quá trình thẩm định xác định: 01 nhà cấp 4 của hộ anh Bùi Thanh T và chị Phạm Thị Kh làm năm 2015. Hiện nay do mở rộng Quốc lộ 15A nên phải tháo giỡ 01 gian lồi nhưng phần còn lại vẫn sử dụng. Nhà nước đã bồi thường toàn bộ giá trị nhà là 367.896.982.000đ (Ba trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi hai đồng). Hoa màu trên đất được bồi thường là 3.975.500đ (Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng), bồi thường về đất ở bị thu hồi là 31.218.000đ (Ba mươi mốt triệu hai trăm mười tám nghìn đồng), hỗ trợ chi phí khác 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Tổng là số tiền bồi thường hoa màu, tài sản trên đất và tiền đất thu hồi (47,3m2) là 408.090.482đ (Bốn trăm linh tám triệu không trăm chín mươi nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã làm văn bản gửi Ban quản lý dự án – huyện B T thu thập toàn bộ tài liệu chứng cứ tại liên quan đến việc bồi thường giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ 15A của hộ anh Bùi Thanh T. Kết quả xác định hộ anh Bùi Thanh T đã ký nhận tiền bồi thường gồm: thửa đất ở số 66 tờ bản đồ số 48 địa chỉ thôn Đ, xã T Ố, huyện B T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CB740341vào sổ cấp GCN: CH00015 ngày

27/5/2016 (cấp đổi GCN số AM343089,cấp ngày 10/01/2008 do phân chia tài sản sau ly hôn) diện tích sử dụng là 889m2.

Diện tích đất ở làm đường bị thu hồi là 47,3m2 bồi thường theo khung giá nhà nước. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đang thu hồi để làm giảm trừ diện tích. Bồi thường toàn bộ tài sản và đất ở theo Quyết định số: 38/QĐ-HĐGPMB ngày 19/11/2020 là 408.090.482đ

Phần đất lâm nghiệp đã được cấp GCNQSDĐ ngày 15/10/2002 cho hộ ông Bùi Khắc B (bố đẻ anh Bùi Thanh T) số thửa 625-85 diện tích 7.000m2. Do làm đường đi qua diện tích thu hồi là 2.656,3m2 nên GCNQSDĐ đang thu hồi để làm giảm trừ diện tích. Tổng số tiền bồi thường đối với đất lâm nghiệp theo Quyết định số: 11/QĐ-HĐGPMB ngày 19/11/2020 là 55.852.750đ gồm tiền đất là 13.281.500đ, tiền bồi thường về cây cối hoa màu trên đất là 22.649.000đ, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề là 19.922.250đ.

Tổng số tiền bồi thường anh Bùi Thanh T đã ký nhận là 463.943.232đ

(Bốn trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm ba hai đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Kh trình bày: Chị Kh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Thanh T. Về con chung chị Kh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 15/9/2015 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Kh yêu cầu tài sản riêng chị Kh có 04 chỉ vàng 9999 nay chị có yêu cầu được nhận lại là 04 chỉ vàng chị đang quản lý tại thời điểm xét xử 5.100.000đ/chỉ.

Tài sản chung chị Kh đang quản lý 01 xe máy vision mua 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) và lắp các phụ kiện 1.000.000đ (Một triệu đồng) tổng giá trị xe là 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng) chị Kh có nhu cầu tiếp tục sở hữu xe.

Toàn bộ giá trị nhà và cấy cối hoa màu trên đất ở đã được bồi thường chị Kh có nguyện vọng chia đôi giá trị. Anh T đã nhận và quản lý toàn bộ tiền bồi thường anh T có trách nhiệm giao lại chênh lệch cho chị Kh và anh T trực tiếp trả khoản nợ chung 6.000.000đ (sáu triệu đồng) cho chị H1.

Về phần đất Lâm nghiệp bị thu hồi đất và đền bù cây trồng trên đất là 55.852.750đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng).Trong đó cây keo là công sức của vợ chồng nay phần keo được bồi thường 12.500.000đ (Mười hai triệu năm ttrăm nghìn đồng) phải chia cho cả chị Kh.

Tại phiên tòà bị đơn Bùi Thanh T trình bày: AnhT không còn tình cảm với chị Kh và anh T đồng ý ly hôn. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 15/9/2015 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị Kh thiết tha xin nuôi con thì anh T không cấp dưỡng.

Về tài sản riêng: Anh T công nhận chị Kh có 04 chỉ vàng 9999 trước khi cưới nhưng hiện nay chị Kh đang quản lý 06 chỉ vàng 9999.

Tài sản riêng của anh T là phần đất ở có trước khi cưới nay bồi thường giải phóng mặt bằng thu hồi 47.3m2 trị giá 31.218.000đ (Ba mươi mốt triệu hai trăm mười tám nghìn đồng) là giá trị tài sản riêng của anh T.

Tài sản không thuộc quyền sở hữu của vợ chồng là phần đất lâm nghiệp đang mang tên bố anh T. Hiện nay bồi thường thu hồi một phần đất lâm nghiệp và cây, hoa màu lợi tức trên đất vợ chồng anh không có công sức nên không được chia mà thuộc quyền sở hữu của mẹ anh. Anh T đã nhận tiền bồi thường và quản lý số tiền bồi thường trên phần đất lâm nghiệp theo Quyết định số:11 là 55.852.750đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Tài sản chung: Anh T công nhận chị Kh là người lo chi tiêu trong gia đình. Và sau khi lấy chị Kh vợ chồng mới làm nhà. Thời điểm làm nhà vợ chồng chỉ có khoảng 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền mặt. Mẹ đẻ anh T đóng góp tiền và tài sản cho vợ chồng anh làm nhà trị giá 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng) thì phải trích trả lại cho mẹ anh là bà Đinh Thị H. Tiền chị Kh quản lý tương đương khoảng 06 chỉ vàng 9999 anh T đồng ý khi ly hôn chị Kh được sở hữu tài sản riêng là 04 chỉ vàng 9999 chị đang quản lý còn 02 chỉ vàng 9999 thì là tài sản chung. Nhưng anh không có căn cứ chứng minh việc chị Khuyên quản lý 06 chỉ vàng 9999.

Ý kiến của bà H tại phiên tòa: Việc các con làm nhà bà có góp tổng số tiền mặt và tiền bán bò là 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng). Nay toàn bộ tiền điền bù nhà đất anh T ký nhận quản lý thì trích trả cho bà 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng).

Về đất Lâm nghiệp được bồi thường đất và cây trên đất anh T đã nhận tiền là 55.852.750đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng). Vợ chồng anh T chị Kh không có công sức trong việc trồng cây hoa màu trên đất lâm nghiệp. Nay bà H đề nghị toàn bộ tiền hoa màu bồi thường trên đất lâm nghiệp anh T có trách nhiệm giao lại cho bà H.

Chị Lê Thị H1 tại phiên tòa trình bày: Chị Kh và anh T có vay của chị H1 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nay vợ chồng ly hôn phải có trách nhiệm trả cho chị H1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Kh ly hôn anh T. Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Kh nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Chị Kh có quyền sở hữu tài sản riêng là 04 chỉ vàng 9999 chị Kh đang quản lý. Giá trị quyền sử dụng đất ở bị thu hồi 47,3m2 đã được bồi thường 31.218.000đ anh T đang quản lý và có quyền sở hữu đây là tài sản riêng của anh T. Đề nghị HĐXX trích giá trị công sức cho bà H là 113.000.000đ. Giá trị tài sản chung của vợ chồng chia đôi, anh T có trách nhiệm trả khoản nợ chung 6.000.000đ cho chị H1 và giao lại giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho chị Kh trừ đi giá trị xe máy vision chị Kh đang quản lý trị giá 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng).

Phần đất lâm nghiệp và giá trị đất Lâm nghiệp, cây trồng trên đất lâm nghiệp thuộc quyền sở hữu của bà Đinh Thị H.

Về án phí: Chị Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch của giá trị tài sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

[2]*Về nội dung*: Chị Phạm Thị Kh và anh Bùi Thanh T tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3]*Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn giữa chị Kh và anh T đã đến mức trầm trọng. Anh chị đều xác định tình cảm không còn và không hạnh phúc. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Kh ly hôn anh Bùi Thanh T.

Về con chung. HĐXX căn cứ các Điều 58; Điều 8; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Phạm Thị

Kh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Kh không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Thanh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Phần các đương sự thống nhất tại phiên tòa gồm: Tài sản riêng của chị Kh là 04 chỉ vàng 9999 chị Kh đang quản lý. Toàn bộ diện tích đất ở là tài sản của anh T có trước khi cưới thuộc quyền sử dụng của anh T nên phần diện tích đất ở thu hồi 47,3m2 được bồi thường 31.218.000đ thuộc quyền sở hữu riêng của anh T.

-Phần nợ chung: Nợ của chị Lê Thị H1 chị dâu anh Tùng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

-Phần giá trị tài sản chung gồm: 01 xe máy vision mới mau tháng 7 năm 2021 chị Kh và anh T tự nguyện thỏa thuận giá tính nguyên giá khi mua 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng) chị Kh quản lý. Anh T quản lý số tiền bồi thường toàn bộ hoa màu, cấy cối và tài sản trên đất ở là 408.090.482đ. Trong đó tiền đất thuộc quyền sở hữu của anh T 31.218.000đ (Ba mươi mốt triệu hai trăm mười tám nghìn đồng).Tổng giá trị tài sản chung là 34.000.000đ (xe máy vision chị Kh đang quản lý) + [(408.090.482đ - 31.218.000đ (tiền quyền sử dụng đất ở bị thu hồi thuộc tài sản riêng của anh T) - 113.000.000đ (Giá trị công sức của bà Hăng đóng góp làm nhà)] - 6.000.000đ (nợ chị H1) = 291.842.482đ (Hai trăm chín mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản chung là 291.842.482đ :2 =145.921.241đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi mốt đồng).

Hiện nay chị Kh đang quản lý 01 xe máy vision trị giá 34.000.000đ. Anh T đang quản lý toàn bộ tiền bồi thường là giá trị tài sản của vợ chồng (Nhà và hòa màu cấy trồng trên đất ở). Nên anh Tùng có trách nhiệm giao tiền công sức đóng góp làm nhà cho bà H là 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng), trả khoản nợ chung cho chị H1 là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và giao lại chênh lệch chia tài sản cho chị Kh là 111.921.241đ (Một trăm mười một triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi mốt đồng).

Phần đất lâm nghiệp và hoa màu lợi lợi tức trên đất không có căn cứ xác định là vợ chồng anh T chị Kh có công sức trong việc trồng cây keo trị giá 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) nên thuộc quyền sở hữu của bà Đinh Thị H. Anh Bùi Thanh T có trách nhiệm giao lại cho bà H tiền bồi thường đất lâm nghiệp và cây trồng trên đất lâm nghiệp đã được bồi thường là 55.852.750đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H1 được nhận lại số tiền cho anh T và chị Kh vay là 6.000.000đ từ anh Bùi Thanh T.

Bà Đinh Thị H được nhận từ anh Bùi Thanh T số tiền 113.000.000đ tiền đóng góp làm nhà và nhận từ anh T số tiền bồi thường đất lâm nghiệp và cây trồng trên đất lâm nghiệp hiện nay anh T đang quản lý là 55.852.750đ.

Phần các đương sự không thống nhất với nhau: Anh Tùng trình bày chị Khuyên quản lý 06 chỉ vàng 9999 trong đó 04 chỉ vàng 9999 là tài sản riêng của chị Kh. Chị Kh chỉ công nhận chị quản lý 04 chỉ vàng 9999 là tài sản riêng. Anh T không có chứng cứ khác về việc chị Kh đang giữ 02 chỉ vàng 9999 là tài sản chung nên không có căn cứ để HĐXX xem xét.

Viêc chị Kh trình bày tại phiên tòa: Trên phần đất lâm nghiệp vợ chồng chị có trồng Keo trị giá đã được bồi thường là 12.500.000đ chị Kh yêu cầu được hưởng 1/2 giá trị. Anh T và bà H không công nhận việc anh T và chị Kh trồng Keo trên đất lâm nghiệp của bố mẹ chồng. Anh T và bà H đều quả quyết vợ chồng anh T không có công sức gì toàn bộ cây cối hoa màu trên đất lâm nghiệp mình bà H trồng. Chị Kh không chứng minh được giá trị công sức trên khu đất lâm nghiệp nên không có căn cứ xem xét.

[4].*Về án phí:* Chị Phạm Thị Kh phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về tài sản: Các đương sự không tự xác định được phần giá trị tài sản của mình. Đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch của gía trị tài sản được hưởng.

Phần tài sản riêng của các được sự được thỏa thuận tại phiên tòa nên vẫn phải chịu án phí có giá ngạch của giá trị tài sản được hưởng.

Về khoản nợ chung của chị Lê Thị H1 cả hai vợ chồng đều công nhận là nợ chung đề nghị Tòa án ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án nên không phải chịu án phí của số tiền phải trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Khoản 2, 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị định số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Kh. Xử cho chị Phạm Thị Kh ly hôn anh Bùi Thanh T.

3.*Về con chung*: Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 15/9/2015 cho Phạm Thị Kh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Thanh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

4.- *Tài sản riêng*: Chị Phạm Thị Kh có quyền sở hữu sản riêng là 04 chỉ vàng 9999 chị Kh đang quản lý trị giá tại thời điểm xét xử là 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Anh Bùi Thanh T có quyền sở hữu giá trị quyền sử dụng đất được bồi thường theo diện tích 47,3m2 là 31.218.000đ (Ba mươi mốt triệu hai trăm mười tám nghìn đồng) anh đang quản lý.

5.*Tài sản chung của anh Bùi Thanh T và chị Phạm Thị Kh gồm*:

Tổng giá trị tài sản chung là 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng) xe máy vision chị Kh đang quản lý + [(408.090.482đ - 31.218.000đ (tiền quyền sử dụng đất ở bị thu hồi thuộc tài sản riêng của anh T) - 113.000.000đ (Giá trị công sức của bà H đóng góp làm nhà)] - 6.000.000đ (nợ chị Hương) = 291.842.482đ (Hai trăm chín mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Chị Phạm Thị Kh và anh Bùi Thanh T mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản là 291.842.482đ : 2 =145.921.241đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

-Chị Phạm Thị Kh được quyền sở hữu 01 xe máy vision trị giá 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng) chị Kh đang quản lý và được nhận từ anh Bùi Thanh Tùng là 111.921.241đ làm tròn 111.921.000đ (Một trăm mười một triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng) giá trị chênh lệnhchênh lệch chia tài sản.

- Anh Bùi Thanh T được quyền sở hữu tài sản chung là 145.921.241đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng). Tổng số tiền bồi thường anh Bùi Thanh T đã ký nhận là 463.943.232đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Nhưng anh T có trách nhiệm giao lại giá trị chênh lệch chia tài sản cho chị Phạm Thị Kh là 111.921.000đ (Một trăm mười một triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

- Anh Bùi Thanh T có trách nhiệm trả khoản nợ chung cho chị Lê Thị H1 là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

- Anh Bùi Thanh T có trách nhiệm giao cho bà Đinh Thị H gồm: 113.000.000đ (Giá trị công sức của bà Hăng đóng góp làm nhà) + 55.852.750đ (tiền bồi

thường đất lâm nghiệp và cây trên đất, tiền hỗ trợ khác đói với đất lâm nghiệp) = 168.852.750đ làm tròn 168.852.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

6. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đinh Thị H có quyền nhận từ anh Bùi Thanh T gồm: 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng) giá trị công sức của bà H đóng góp làm nhà + 55.852.750đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền bồi thường đất lâm nghiệp và cây trên đất, tiền hỗ trợ khác đối với đất lâm nghiệp =168.852.750đ làm tròn 168.852.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Chị Lê Thị H1 được quyền lấy nợ từ anh Bùi Thanh T là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

7.***Về án phí***: Chị Phạm Thị Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Về tài sản riêng tại phiên tòa các đương sự mới thống nhất được tài sản riêng của chị Kh là 04 chỉ vàng 9999 trị giá là 20.400.000đ nên chị Khuyên phải chịu án phí có giá ngạch của tài sản riêng và tài sản chung được chia là (20.400.000đ +145.921.241đ) x 5% = 166.321.241đ x 5% = 8.316.062đ làm tròn là = 8.316.000đ (Tám triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Tổng án phí chị Phạm Thị Kh phải chịu là 8.316.000đ (Tám triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Kh đã nộp là 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Kh là 2.984.000đ (Hai triệu chín trăm tám mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007639 ngày 25/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

Anh Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch của số tiền chia tài sản chung và tài sản riêng được hưởng là (145.921.241đ +31.218.000đ) x 5% = 177.139.241đ x 5% = 8.856.962đ làm tròn 8.857.000đ (Tám triệu tám tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Bà Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch của số tài sản được hưởng là 168.852.000đ x5% = 8.442.600đ (Tám triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

8. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với

số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

9. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án sơ thẩm có mặt các đương sự. Các đương sựcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
THA dân sự huyện B T
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên